TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 168/2019/QĐST - HNGĐ	*H, ngày 28 tháng 5 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH Q

Căn cứ các Điều 212; Điều 213; Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55; 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 164/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Vũ Đức L - sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 7, khu 6, phường H, thành phố H, tỉnh Q.

Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ 7, khu 6, phường H, thành phố H, tỉnh Q

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Đức L và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 29/9/1986 tại UBND phường H, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Q. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu nhau và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không còn hợp nhau nên mỗi người sống một nơi, hai bên đã ly thân từ năm 2011 không chung sống cùng nhau, không quan tâm đến nhau, không còn tình cảm yêu thương chăm sóc nhau. Đến nay cả hai ông bà đã xác nhận tình cảm không còn, hai bên thống nhất thuận tình ly hôn nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có hai con chung là Vũ Đức T sinh năm 1984 và Vũ Thị L sinh năm 1986. Con chung Vũ Đức T đã mất năm 2007, con chung Vũ Thị L đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Vũ Đức L và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về công nợ chung: không có.

[5] Về lệ phí: Ông Vũ Đức L và bà Nguyễn Thị T thỏa thuận ông L nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Đức L và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn.

-Về con chung: Ông Vũ Đức L và bà Nguyễn Thị T có hai con chung là Vũ Đức T sinh năm 1984 và Vũ Thị L sinh năm 1986. Con chung Vũ Đức T đã mất năm 2007, con chung Vũ Thị L đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Vũ Đức L và bà Nguyễn Thị T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Vũ Đức L phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Ông L đã nộp tạm ứng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002567 ngày 08/5/2019 của Chi cục thi hành án thành phố H. Ông L đã nộp xong tiền lệ phí của việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
-UBND phường H, thành phố H, tỉnh Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị L